TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH P**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23/9/2022
V/v: "*Tranh chấp hôn nhân gia đình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH P

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phùng Thị Kim Nguyên.

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Minh Hoan

2. Ông Trần Hoàng Hưng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Đào – Thư ký TAND huyện T, tỉnh P .

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Ptham gia phiên toà: Ông V Anh Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 23/9/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2022/TLST- HNGĐ ngày 20/4/2022 về "Tranh chấp Hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/8/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 47/2022/QĐHPTST-HNGĐ ngày 15/9/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Tạ Thị V** , sinh năm 1971;
Địa chỉ: Khu 5, xã D , huyện T, tỉnh P(có mặt).
Bị đơn: Anh **Nguyễn Hữu D** , sinh năm 1966;
Địa chỉ: Khu 5, xã D , huyện T, tỉnh P . (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện ngày 11/4/2022 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Tạ Thị V trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Hữu D ngày 23/7/1990, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D , huyện T, tỉnh P . Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ anh D tại khu 5, xã D , huyện T, tỉnh Pđược vài tháng thì vợ chồng ra ở riêng. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 1994 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D không quan tâm đến vợ con, hơn nữa, anh D đi làm thợ hồ thường rượu chè về nhà thường đánh đập vợ con. Đến năm 2013, mâu thuẫn trầm trọng nên chị đã làm đơn ly hôn anh D tại tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P . Tòa án đã thụ lý giải quyết, sau nhiều lần hòa giải, anh D đã nhận lỗi, viết cam kết sẽ sửa đổi không đánh vợ con nữa và xin lỗi chị. Nên chị đã rút đơn về đoàn tụ cùng anh D . Nhưng từ đó đến nay, anh D không sửa đổi mà vẫn chửi mắng và khinh thường chị cùng gia đình chị. Hai bên đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị V xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn anh D .

Về con chung: Chị V xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thành T , sinh ngày 02/01/1991 và cháu Nguyễn Ngọc A , sinh ngày 03/02/1995. Hiện

nay cả hai con chung đã trưởng thành có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị V xác định vợ chồng có tài sản chung là nhà và đất nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ, công sức: Chị V xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Phía bị đơn là anh Nguyễn Hữu D : Hiện nay anh D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 5, xã D , huyện T, tỉnh P . Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ đồng thời lấy lời khai của anh D .

3. Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/8/2022 anh D trình bày: Anh và chị V có đăng ký kết hôn ngày 23/7/1990, đăng ký kết hôn tại UBND xã D , huyện T, tỉnh P . Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng gia đình nhà anh tại khu 5 xã D , huyện T, tỉnh P . Cuộc sống vợ chồng anh chị thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc, sau có mâu thuẫn do trong lúc nóng giận anh có chửi bới chị V xong lại thôi, anh không đánh đập, hay đuổi chị V . Hàng ngày anh đi làm mải miết và không để ý gì đến việc khác. Nay chị V làm đơn xin ly hôn anh, anh mong muốn được đoàn tụ. Anh khẳng định, khoảng năm 2013 chị V có làm đơn ly hôn với anh, Tòa án đã báo gọi đến Tòa án làm việc và hòa giải. Tại Tòa án, anh có bản cam kết sửa chữa lỗi lầm của bản thân nên vợ chồng về đoàn tụ. Nhưng từ đó đến nay, vợ chồng vẫn có nhiều mâu thuẫn và sống ly thân. Nay chị V làm đơn ly hôn anh nếu chị V kiên quyết xin ly hôn anh, thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung, anh chị V có 02 con chung là cháu Nguyễn Thành T , sinh ngày 02/01/1991 và cháu Nguyễn Ngọc A , sinh ngày 03/02/1995. Hiện nay cả hai con chung đã trưởng thành có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng có tài sản chung là nhà và đất nhưng anh không có ý kiến gì, chị V không yêu cầu giải quyết thì anh cũng đồng ý.

Về công nợ, công sức: Anh D xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; các giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, cho anh D đến Tòa án làm việc anh đã nhận được đầy đủ nhưng do anh bận đi làm nên anh sẽ không đến Tòa án làm việc.

4. Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã D ngày 08/8/2022 thấy rằng anh D và chị V có đăng ký kết hôn ngày 23/7/1990, đăng ký kết hôn tại UBND xã D , huyện T, tỉnh P . Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng gia đình của anh D tại khu 5, xã D , huyện T, tỉnh Ptừ đó đến nay. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, sau đó thì mâu thuẫn. Đến năm 2013 chị V đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh D , Tòa án đã thụ lý giải quyết, tiến hành hòa giải vợ chồng về đoàn tụ. Nhưng từ khi vợ chồng về đoàn tụ năm 2013 đến nay thì vợ chồng anh chị V , D không cải thiện được mâu thuẫn, mâu thuẫn giữa anh D và chị V ngày càng trầm trọng. Nay chị V lại xin ly hôn anh D , thì địa phương đề nghị Tòa án giải quyết cho chị V được ly hôn anh D .

Về con chung, anh D và chị V 02 con chung là cháu Nguyễn Thành T , sinh ngày 02/01/1991 và cháu Nguyễn Ngọc A , sinh ngày 03/02/1995. Hiện nay cả hai con chung đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Anh D và chị V có tài sản chung là nhà và đất nhưng anh chị không yêu cầu giải quyết thì địa phương không có ý kiến gì.

Về công nợ, công sức: Anh D và chị V xác định vợ chồng không có địa phương không có ý kiến gì.

Ngày 15/9/2022, Tòa án nhân dân huyện Tam Nông đã mở phiên tòa xét xử nhưng anh D vắng mặt không có lý do. Phiên tòa hôm nay anh D tiếp tục vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án được xét xử theo quy định.

Tại phiên toà hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng cũng như việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ của người tiến hành tố tụng là đúng quy định của pháp luật đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 điều 51, điều 56 Luật Hôn nhân gia đình: Đề nghị Tòa án ND huyện Tam Nông xử cho chị V được ly hôn anh D .

- Về con chung: anh D và chị V 02 con chung là cháu Nguyễn Thành T , sinh ngày 02/01/1991 và cháu Nguyễn Ngọc A , sinh ngày 03/02/1995. Hiện nay cả hai con chung đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không xem xét giải quyết

Về tài sản chung: Anh D và chị V xác định vợ chồng có tài sản chung là nhà và đất nhưng anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về công nợ, công sức: Anh D và chị V xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: khoản 4 Điều 147 BLTTDS, Luật phí và lệ phí Tòa án, điểm a, khoản 5; Điều 27 Nghị quyết 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội chị V phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do đương sự cung cấp và được thẩm tra công khai tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" giữa chị Tạ Thị V và anh Nguyễn Hữu D . Cả nguyên đơn và bị đơn chị V và anh D đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 5, xã D , huyện T, tỉnh Pnên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P .

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Hữu D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị V và anh D là hoàn toàn hợp pháp, được UBND xã D , huyện T, tỉnh Pcho đăng ký kết hôn ngày 23/7/1990. Xét tình cảm vợ chồng giữa chị V và anh D được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh D ở tại khu 5, xã D , huyện T, tỉnh P . Cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 1994 thì phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2013, mâu thuẫn trầm trọng hơn nên chị đã làm đơn ly hôn anh D , Tòa án đã thụ lý giải quyết, sau nhiều lần hòa giải, anh D đã nhận lỗi, viết cam kết sẽ sửa đổi không đánh vợ con nữa và xin lỗi chị V nên chị V rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ. Nhưng từ

đó cho đến nay, vợ chồng anh chị không cải thiện được cuộc sống, mâu thuẫn giữa anh D và chị V ngày càng trầm trọng. Hai bên đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị V xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn anh D .

Tòa án đã báo gọi nhiều lần, anh D có biết việc Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa chị V và anh, nhưng anh không đến Tòa án làm việc.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/8/2022 anh D trình bày: Anh và chị V có đăng ký kết hôn ngày 23/7/1990, đăng ký kết hôn tại UBND xã D , huyện T, tỉnh P . Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng gia đình nhà anh tại khu 5 xã D , huyện T, tỉnh P . Cuộc sống vợ chồng anh chị thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc, sau có mâu thuẫn là do trong lúc nóng giận anh có chửi bới chị V xong lại thôi, anh không đánh đập, đuổi chị V . Hàng ngày anh đi làm và không để ý gì đến việc khác. Nay chị V làm đơn xin ly hôn anh, anh mong muốn được đoàn tụ. Anh khẳng định, vào khoảng năm 2013 chị V đã làm đơn xin ly hôn anh. Tòa án đã thụ lý, báo gọi đến Tòa án làm việc và hòa giải. Tại Tòa án, anh có viết bản cam kết sửa chữa lỗi lầm bản thân nên chị V rút đơn vợ chồng về đoàn tụ. Nhưng từ đó đến nay, vợ chồng anh vẫn có nhiều mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay chị V làm đơn xin ly hôn anh và kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung, anh và chị V có 02 con chung là cháu Nguyễn Thành T , sinh ngày 02/01/1991 và cháu Nguyễn Ngọc A , sinh ngày 03/02/1995. Hiện nay cả hai con chung đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng có tài sản chung là nhà và đất nhưng anh không có ý kiến gì, chị V không yêu cầu giải quyết thì anh cũng đồng ý.

Về công nợ, công sức: Anh D xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; thông về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; các giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, cho anh D đến Tòa án làm việc thì anh đã nhận được đầy đủ nhưng do anh bận đi làm nên anh không đến Tòa án làm việc.

Ngày 08/8/2022 Tòa án nhân dân huyện Tam Nông đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của chị V và anh D được đại diện chính quyền địa phương cung cấp: anh D và chị V có đăng ký kết hôn ngày 23/7/1990, đăng ký kết hôn tại UBND xã D , huyện T, tỉnh P . Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng gia đình của anh D tại khu 5, xã D , huyện T, tỉnh Ptừ đó đến nay. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, sau đó thì mâu thuẫn. Đến năm 2013 thì chị V đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh D , Tòa án đã thụ lý giải quyết, tiến hành hòa giải nên vợ chồng về đoàn tụ, nhưng từ khi vợ chồng về đoàn tụ năm 2013 đến nay thì vợ chồng anh chị không cải thiện được, mâu thuẫn giữa anh D và chị V ngày càng trầm trọng. Nay chị V lại xin ly hôn anh D , thì địa phương đề nghị Tòa án giải quyết cho chị V được ly hôn anh D . Vì vậy, cần xử cho chị V được ly hôn anh D là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh D và chị V 02 con chung là cháu Nguyễn Thành T , sinh ngày 02/01/1991 và cháu Nguyễn Ngọc A , sinh ngày 03/02/1995. Hiện nay cả

hai con chung đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không đề cập giải quyết là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Anh D và chị V xác định vợ chồng có tài sản chung là nhà và đất nhưng anh, chị không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] Công nợ chung, công sức đóng góp: Anh D và chị V xác định vợ chồng không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp và có căn cứ nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Tạ Thị V được ly hôn anh Nguyễn Hữu D .

[2] Về con chung: Xác nhận anh D và chị V 02 con chung là cháu Nguyễn Thành T , sinh ngày 02/01/1991 và cháu Nguyễn Ngọc A , sinh ngày 03/02/1995. Hiện nay cả hai con chung đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không đề cập giải quyết.

[3]. Về tài sản chung: Xác nhận anh D và chị V có tài sản chung là nhà và đất nhưng anh chị không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[4]. Công nợ chung, công sức đóng góp: Anh D và chị V xác định vợ chồng không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Tạ Thị V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị V đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/0005654 ngày 15/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án, để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND H. Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã D ;
- Lưu HS - VP.

Phùng Thị Kim Nguyên

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.... giờ.....phút, ngày tháng năm 2020.
Tại phòng nghị án Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Bà Phùng Thị Kim Nguyên
Các hội thẩm nhân dân : 1, Ông Nguyễn Chí Thanh
2, Ông Trần Hữu Thọ

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số /2019/ TLST - HNGĐ ngày tháng năm về việc: "Hôn nhân và gia đình" giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu Mai - sinh năm 1984;
Địa chỉ: Thôn An Hòa, xã Tản Lĩnh, huyện Ba vì, TP. Hà Nội. (có mặt)
***Bị đơn*:** Anh Trần Văn Kiên - sinh năm 1982;
Địa chỉ: Khu 2, xã Lam Sơn, huyện T, tỉnh P . (vắng mặt) *Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật*

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

I. Về điều luật áp dụng:
Căn cứ khoản 1 Điều 51,khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

+ Kết quả biểu quyết: 3/3

II. Về nội dung:

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Lê Thị Thu Mai được ly hôn anh Trần Văn Kiên.

2. Về con chung: giao 02 con chung là cháu Trần Chiến Thắng, sinh ngày 08/6/2007 và cháu Trần Thị Thu Trang, sinh ngày 20/6/2009 cho chị Lê Thị Thu Mai trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, và giáo dục đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Anh Kiên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Mai vì chị Mai tự nguyện không yêu cầu. Anh Kiên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Biểu quyết: 3/3=100%

***4, Về án phí ly hôn sơ thẩm* :** Chị Lê Thị Thu Mai phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị Mai đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2019/0002590 ngày 14/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Biểu quyết: 3/3=100%

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày tháng năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*
	Phùng thị Kim Nguyên